

Bản án số: 449/2018/HN-PT  
Ngày: 08/5/2018.  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

*Các Thẩm phán:* 1/ Bà Quách Thanh Bình.

2/ Bà Đặng Thị Bích Loan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Lê Tấn Đông – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2018/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 2712/2017/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1593/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Q, sinh năm 1967.

2. Bị đơn: Bà A, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Phường B1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đều có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà A.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Q trình bày:

Ông và bà A tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 48/TN, quyền số 12/1995 do Ủy ban nhân dân phường B2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 15/5/1995. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, bắt đầu từ năm 2013 đến nay thì không hạnh phúc, vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, về chi tiêu tài chính dẫn đến mất

lòng tin nhau. Gần mười năm nay ông chịu đựng vì nghĩ đến các con, chờ các con khôn lớn. Ngày 02/4/2015, ông có làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu ly hôn với bà A. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc kéo dài và ông cũng mong muốn dừng lại để vợ chồng cố gắng hòa giải hàn gắn nên ông đã tự nguyện rút đơn và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 1385/2015/QĐST-HNGĐ ngày 04/11/2015. Tuy nhiên, bà A không thay đổi, mâu thuẫn không cải thiện mà ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bà A có những cư xử không tôn trọng gia đình chồng khiến ông Q buồn. Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cãi vã nhau, sống không hạnh phúc, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, ông Q đã ly thân với bà A gần 05 năm nay. Ông Q cũng đã nhiều lần động viên bà A tự nguyện thuận tình ly hôn một cách văn minh để không ảnh hưởng tâm lý các con. Nhận thấy không thể kéo dài cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn đôi bên không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q yêu cầu được ly hôn với bà A.

Con chung: Quá trình chung sống ông Q và bà A có ba người con chung tên là N1, sinh ngày 21/6/1996 đã trưởng thành, N2, sinh ngày 13/01/1998 đã trưởng thành và N3, sinh ngày 18/10/2004. Khi ly hôn, ông Q đồng ý để bà A là người trực tiếp nuôi con N3, sinh ngày 18/1/2004, ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 (Mười triệu) đồng mỗi tháng, cấp dưỡng cho đến khi trẻ đủ tuổi trưởng thành.

Trong bản khai được lập tại Tòa án, trẻ N3 có ý kiến nêu ông Q và bà A ly hôn thì trẻ N2 mong muốn được bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại bản khai, biên bản lập tại Tòa án bà xác nhận mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Q là có, tuy nhiên bà cũng đã hàn gắn. Bà vẫn còn thương yêu ông Q và các con nên không đồng ý ly hôn. Vì không đồng ý ly hôn nên các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung bà không có yêu cầu gì.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 2712/2017/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Q.

Quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà A được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N3, sinh ngày 18/10/2004, ông Q cấp dưỡng nuôi con chung N3 là 10.000.000 (Mười triệu) đồng mỗi tháng, cấp dưỡng cho đến khi trẻ đủ tuổi trưởng thành.

Kể từ khi bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Q chưa thi hành số tiền nêu trên thì ông Q còn phải trả cho bà A tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ông Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Ghi nhận việc các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, bà A kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 2712/2017/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Yêu cầu hủy toàn bộ bản án số 2712/2017/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà không chấp nhận yêu cầu ly hôn với ông Q, bà muốn vợ chồng có cơ hội hàn gắn, sum họp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Q trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, cho ông được ly hôn với bà A, giao con chung tên N3, sinh năm 18/10/2004 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, ông cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng, tài sản chung: tự giải quyết.

Bị đơn bà A trình bày: Bà đề nghị Tòa án giải quyết không cho ông Q ly hôn với bà vì bà còn yêu thương chồng, không muốn con không có cha, ông Q đang bị tác động từ phía người thứ ba nên muốn ly hôn với bà, bà không có ý kiến gì về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con cho cháu N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm” tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo ngày 11/01/2018 bà A nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm ngày 23/01/2018, là phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ giấy chứng nhận số số 48/TN, quyền số 12/1995 do Ủy ban nhân dân phường B2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 15/5/1995 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà A là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q và bà A có lời khai mâu thuẫn nhau. Ông Q cho rằng cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó hai vợ chồng bất đồng quan điểm về thái độ sống, đối với ông người xuất thân từ nghèo khổ, được mẹ chăm lo nên ông yêu thương mẹ ông nhất, ông luôn muốn lo lắng cho mẹ ông nhưng bà A luôn cản ông, đỉnh điểm là lúc ông xây nhà cho mẹ ông nhưng bà A can ngăn không cho dẫn đến ông cảm thấy buồn và có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng sau đó đã chấm dứt, bản thân ông hiện tại không muốn gặp mặt bà A vì không nói chuyện được nên đã bỏ nhà ra đi tuần về 01, 02 ngày lo cho các con, ông vẫn có trách nhiệm đối với các con đi du lịch cùng con, mâu thuẫn của ông và bà A có những mâu thuẫn ngày càng tăng, tính khí không còn phù hợp dẫn đến mối quan hệ ngày càng xấu dần, ông đã nhiều lần thỏa thuận ly hôn với bà A nhưng bà A không đồng ý, thời gian gần đây vợ chồng đã không còn gây gổ nhau vì đã vượt qua ngưỡng khi bà A đã đưa đơn tố cáo ông gửi công an vi phạm chế độ hôn nhân gia đình thì tình cảm giữa ông và bà A không còn cho dù Tòa án không cho ly hôn thì ông vẫn không chung sống với bà A và tiếp tục nộp đơn khi pháp luật cho phép. Bà A cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là có nhưng không lớn vì hai vợ chồng kinh doanh chung nên cần vốn, ông Q lại vay nợ nhiều nên mới cản việc xây nhà cho mẹ chồng, ông Q chi tiêu không rõ ràng, vợ chồng vẫn hạnh phúc đi du lịch cùng nhau, ông Q là thân tượng của các con, bà luôn muốn giữ hạnh phúc gia đình, ông Q đưa đơn ly hôn do tác động của người thứ ba, bà nộp đơn tố cáo gửi công an mục đích muốn cho ông Q suy nghĩ lại và người phụ nữ kia không phá vỡ hạnh phúc gia đình của bà. Bà đề nghị Tòa án cho bà thời gian, bà sẽ cố gắng thuyết phục ông Q về với vợ con để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, tuy lời khai của hai bên mâu thuẫn nhau nhưng đều thể hiện cả hai đã có mâu thuẫn phát sinh từ rất lâu nguyên nhân là do bất đồng về chi tiêu

tài chính dẫn đến việc ông Q đã nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà A từ năm 2015 sau đó rút đơn khởi kiện. Đến năm 2017, ông Q lại tiếp tục nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà A. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã cố gắng hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ cùng nhau về xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con chung nhưng ông Q vẫn kiên quyết xin ly hôn. Bà A cho rằng có sự tác động từ người thứ ba nên ông Q mới cương quyết xin ly hôn nhưng bà không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh và bà cũng không có phương án nào để đoàn tụ cùng ông Q. Bà đề nghị cho bà thời gian để bà thuyết phục ông Q nhưng thực tế cả hai đều thừa nhận đã không còn nói chuyện được với nhau thể hiện tình cảm vợ chồng thực sự không hạnh phúc như bà A đã trình bày chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận cho ông Q và bà A là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Con chung: Quá trình chung sống ông Q và bà A có ba người con chung tên là N1, sinh ngày 21/6/1996 đã trưởng thành, N2, sinh ngày 13/01/1998 đã trưởng thành và N3, sinh ngày 18/10/2004. Án sơ thẩm xử giao con chung N3 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 (Mười triệu) đồng/tháng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành. Phần này bà A không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bà A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Ông Q phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà A; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 2712/2017/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q.

1. Quan hệ hôn nhân: Ông Q được ly hôn với bà A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48/TN, quyển số 12/1995 do Ủy ban nhân dân phường B2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 15/5/1995 cho ông Q và bà A không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Con chung: Giao con chung tên N3, sinh ngày 18/10/2004 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, ông Q cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 (Mười triệu) đồng/tháng.

Kể từ khi bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Q chưa thi hành số tiền nêu trên thì ông Q còn phải trả cho bà A tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Q nếu ông Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

4. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Q phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0002525 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Q phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà A phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0003875 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM
- Tòa án nhân dân quận B, TPHCM;
- Chi cục THADS quận B, TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Thị Minh Nguyệt**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung Nguyễn Lê Thiên Hương

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM
- Tòa án nhân dân Quận S;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận S;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

